

CHƯƠNG V

NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT CHỦ NÔ



1. NHÀ NƯỚC CHỦ NÔ

1.1 Cơ sở kinh tế - xã hội và bản chất của nhà nước chủ nô.

Nhà nước chủ nô ra đời, tồn tại và phát triển dựa trên các quan hệ sản xuất chiếm hữu nô lệ.

Trong xã hội chiếm hữu nô lệ tồn tại 2 giai cấp cơ bản: giai cấp chủ nô và giai cấp nô lệ.



Giai cấp chủ nô là giai cấp thống trị mặc dù chỉ là thiểu số trong xã hội nhưng nắm hầu hết tư liệu sản xuất của xã hội và cả bản thân người lao động là nô lệ.

Giai cấp nô lệ mặc dù chiếm đại đa số trong xã hội nhưng do không có tư liệu sản xuất trong tay và không làm chủ ngay cả chính bản thân mình nên họ hoàn toàn phụ thuộc vào giai cấp chủ nô cả về thể xác và tinh thần.

Ngoài ra, trong xã hội còn có các tầng lớp khác: nông dân tư hữu, những người thợ thủ công, những người buôn bán...

Nhà nước chủ nô cũng có 2 bản chất: tính giai cấp và tính xã hội.

*** Tính giai cấp**

Nhà nước chủ nô là công cụ bạo lực để duy trì sự thống trị mọi mặt của giai cấp chủ nô đối với nô lệ và các tầng lớp nhân dân lao động trong xã hội, duy trì tình trạng bất bình đẳng giữa chủ nô với nô lệ với các tầng lớp nhân dân lao động khác.

C.Mác và Ph. Ăngghen đã căn cứ vào những đặc điểm cụ thể để phân biệt chế độ nô lệ phương tây cổ điển và chế độ nô lệ phương đông cổ đại.

Chế độ nô lệ phương tây cổ điển (hay còn gọi là chế độ nô lệ Hy - La) được đặc trưng bởi tính điển hình của phương thức sản xuất chiếm hữu nô lệ. Trong loại hình xã hội này **nô lệ chiếm số lượng đông đảo** trong xã hội và **là lực lượng lao động chủ yếu** của xã hội, mà thực chất là cho chủ nô. Sự bóc lột của chủ nô đối với nô lệ là phổ biến và điển hình.



Chế độ nô lệ phương Đông cổ đại hay còn gọi là chế độ nô lệ gia trưởng là loại hình xã hội còn duy trì nhiều tàn dư của chế độ công xã thị tộc.

Trong chế độ này, nô lệ không phải là lực lượng lao động chính, sản xuất ra của cải, hàng hoá cho chủ nô mà hầu hết làm công việc trong nhà. **Lực lượng lao động chính của xã hội là các thành viên công xã nông thôn (nông nô), về địa vị xã hội, họ tự do hơn so với nô lệ, tuy nhiên họ vẫn chịu sự áp bức, bóc lột của chủ nô.**

*** Tính xã hội**

Các nhà nước chủ nô ở các mức độ khác nhau đã tiến hành những hoạt động mang tính xã hội như: hoạt động làm thuỷ lợi ở các quốc gia chiếm hữu nô lệ phương đông, xây dựng và bảo vệ các công trình công cộng, hay hoạt động phát triển kinh tế, thương mại ở Hy Lạp...



1.2. Chức năng của nhà nước chủ nô

1.2.1. Chức năng đối nội

** Chức năng củng cố và bảo vệ sở hữu của chủ nô đối với tư liệu sản xuất và nô lệ*

Nhà nước chủ nô quy định giai cấp chủ nô có toàn quyền sở hữu về tư liệu sản xuất, và đối với người nô lệ.

Cho phép chủ nô công khai bóc lột, cưỡng bức lao động tàn nhẫn đối với nô lệ, đồng thời quy định những biện pháp trừng trị nghiêm khắc đối với các hành vi xâm hại đến quyền sở hữu của chủ nô

*** Chức năng đàn áp bằng quân sự đối với sự phản kháng của nô lệ và các tầng lớp nhân dân lao động khác**

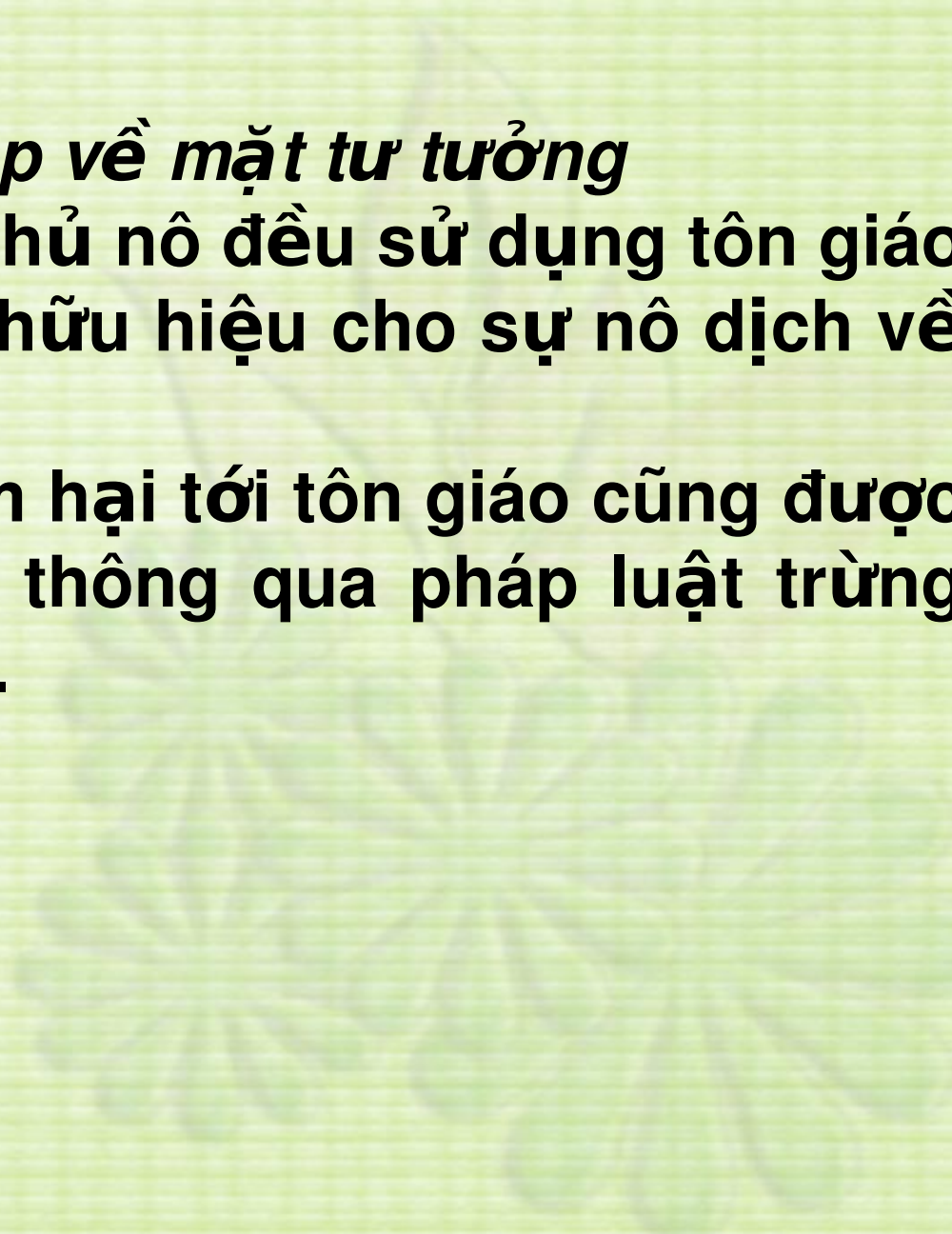
Để bảo vệ địa vị thống trị cùng với các đặc quyền, đặc lợi của giai cấp chủ nô, nhà nước chủ nô đã ra sức đàn áp các cuộc khởi nghĩa bằng bạo lực quân sự



*** *Chức năng đàn áp về mặt tư tưởng***

Các nhà nước chủ nô đều sử dụng tôn giáo như một công cụ hữu hiệu cho sự nô dịch về mặt tư tưởng.

Các hành vi xâm hại tới tôn giáo cũng được nhà nước chủ nô thông qua pháp luật trừng phạt nghiêm khắc.



*** Chức năng kinh tế - xã hội của nhà nước chủ nô**

Vì sự tồn tại và phát triển của xã hội, nhà nước chủ nô buộc những người nô lệ, người dân phải xây dựng các công trình thủy lợi, khai phá rừng, chống các loại thú dữ, bảo vệ mùa màng và các vật nuôi trong gia đình.



1.2.2 Chức năng đối ngoại

*** Chức năng tiến hành chiến tranh xâm lược**

Nhà nước chủ nô rất coi trọng hoạt động tiến hành chiến tranh xâm lược để mở rộng lãnh thổ và tăng cường số nô lệ của quốc gia.

Lịch sử nhà nước chủ nô đã có những đế quốc hùng mạnh nhờ việc thi hành chính sách mở rộng chiến tranh xâm lược mà tiêu biểu là đế quốc La mã.

*** Chức năng phòng thủ chống xâm lược**

Nhà nước chủ nô cũng rất coi trọng hoạt động phòng thủ chống xâm lược.

Nhà nước chủ nô thường tiến hành các hoạt động như: tổ chức lực lượng quân đội, xây dựng các thành lũy, pháo đài, chuẩn bị cơ sở vật chất..., tiến hành hoạt động quân sự khi cần thiết.



1.3 Hình thức nhà nước chủ nô

1.3.1 Hình thức chính thể

Lịch sử phát triển của nhà nước chủ nô gắn với các hình thức chính thể: **quân chủ, cộng hoà dân chủ, cộng hoà quý tộc**

Chính thể quân chủ chuyên chế phổ biến trong các nhà nước phương đông cổ đại: Ai Cập, Babilon, Trung Quốc, Ấn Độ.... Người đứng đầu nhà nước có toàn quyền quyết định vận mệnh quốc gia, cũng như vận mệnh của từng thành viên trong quốc gia đó, chức vụ này được truyền lại theo nguyên tắc cha truyền con nối

Chính thể cộng hoà dân chủ tồn tại ở nhà nước chủ nô Aten vào thế kỷ thứ V - IV trước công nguyên.

Ở Aten mọi nam công dân trưởng thành đều được tham gia Hội nghị nhân dân. Hội nghị sẽ bầu ra các cơ quan nhà nước và các cá nhân thực thi quyền lực nhà nước theo những nhiệm kỳ nhất định.

Nô lệ, kiều dân, phụ nữ, nô lệ đã được giải phóng không được tham gia bầu cử, thực chất của hình thức dân chủ này là dân chủ chủ nô.

Chính thể cộng hoà quý tộc chủ nô tồn tại ở nhà nước Spác và La Mã. Quyền lực nhà nước (chủ yếu quyền lập pháp) nằm trong tay một hội đồng mà thành viên được bầu ra từ các quý tộc giàu có nhất và họ nắm giữ chức vụ suốt đời.

Đại hội nhân dân vẫn tồn tại nhưng không chiếm vị trí quan trọng. Đại hội nhân dân chỉ tiến hành bầu những người tham gia vào các chức vụ trong bộ máy nhà nước, thông qua về mặt hình thức các dự luật do Hội đồng trưởng lão đưa ra.

1.3.2. Về hình thức cấu trúc nhà nước,

Tất cả các nhà nước chủ nô đều có cấu trúc nhà nước đơn nhất.

1.3.3. Về chế độ chính trị

Ở các nước phương Đông chủ yếu tồn tại chế độ độc tài chuyên chế. Ở các nước phương Tây, chế độ chính trị đã mang tính dân chủ, tuy nhiên về bản chất đó chỉ là chế độ dân chủ chủ nô



2. PHÁP LUẬT CHỦ NÔ

2.1 Sự ra đời và bản chất của pháp luật chủ nô

2.1.1 Sự ra đời của pháp luật chủ nô

Pháp luật chủ nô là kiểu pháp luật đầu tiên trong lịch sử, ra đời cùng với sự ra đời của nhà nước chủ nô.

Quá trình hình thành và phát triển của pháp luật chủ nô diễn ra chậm chạp trong một thời gian dài. Nó được hình thành đầu tiên trên cơ sở sự chuyển hoá của các tập quán, và sau đó là sự hình thành các văn bản quy phạm pháp luật của các nhà nước chủ nô.

2.1.2. Bản chất của pháp luật chủ nô

*** Tính giai cấp**

Pháp luật chủ nô là ý chí của giai cấp chủ nô được “đề lên thành luật”.

Pháp luật chủ nô là công cụ để thiết lập, bảo vệ trật tự xã hội có lợi, phù hợp với lợi ích của giai cấp chủ nô.

Củng cố và bảo vệ cơ sở kinh tế xã hội của XHCHNL, và địa vị thống trị của giai cấp chủ nô.

*** Tính xã hội**

Pháp luật chủ nô cũng là công cụ để duy trì trật tự xã hội quản lý các mặt khác nhau của đời sống xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho xã hội CHNL tồn tại và phát triển. Tuy nhiên tính xã hội của pháp luật chủ nô còn giới hạn trong phạm vi hẹp



2.2. Đặc điểm cơ bản của pháp luật chủ nô

- *Pháp luật chủ nô củng cố cơ sở kinh tế của XHCHNL là chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất và đối với nô lệ, hợp pháp hoá chế độ bóc lột tàn nhẫn của chủ nô đối với nô lệ.*

Ví dụ: Luật La mã quy định chủ nô có toàn quyền đối với tài sản. Chủ nô có toàn quyền đối với nô lệ kể cả việc mua, bán, đánh đập hoặc huỷ diệt

Quyền tư hữu được pháp luật chủ nô bảo vệ chặt chẽ bằng pháp luật.

Pháp luật của một số nhà nước chủ nô cho phép chủ nô có quyền giam cầm, tra tấn, hoặc bán con nợ đi để làm nô lệ bù đắp cho tài sản...

Luật Đracông quy định hình phạt tử hình đối với hành vi ăn cắp rau quả...

Luật La mã: Ăn trộm, từ người tự do hạ xuống làm nô lệ nếu nô lệ ăn trộm thì bị giết.

- Pháp luật chủ nô ghi nhận củng cố tình trạng không bình đẳng trong xã hội.

Trong xã hội chủ nô chỉ có chủ nô mới được coi là công dân, và pháp luật chủ nô chia giai cấp chủ nô ra làm nhiều loại, nhiều thứ bậc khác nhau, địa vị xã hội của một người phụ thuộc vào số lượng tài sản mà họ có.

Ví dụ: luật La Mã quy định: “Hoàng đế không phải phục tùng pháp luật nào cả, ý chí của Hoàng đế là pháp luật đối với nhân dân”.

Luật Ma nu quy định cùng phạm một tội nhưng nếu là chủ nô thì mức phạt là cách chức còn đối với người khác thì có thể bị giết chết.

- Pháp luật chủ nô ghi nhận sự thống trị tuyệt đối của gia trưởng đối với vợ và các con trong gia đình.

Trong quan hệ đối với con, con cái thuộc toàn quyền của người gia trưởng, con của người chủ nô tuy không phải là nô lệ nhưng bị coi là thuộc sở hữu của chủ nô. Con của chủ nô có quyền công dân, có địa vị pháp lý nhất định nhưng chủ nô có toàn quyền quyết định đến số phận, tính mạng của họ.

Ví dụ: Luật La mã quy định chỉ người cha mới là chủ thể độc lập, các con chỉ là những người thuộc quyền người khác. Trong xã hội nếu đã lớn tuổi con trai trưởng ngang hàng bố và giữ những địa vị trong xã hội (trừ địa vị nghị viện), nhưng trong gia đình anh ta hoàn toàn phụ thuộc quyền lực của người bố, kể cả khi đã lấy vợ và có con.

Trong quan hệ đối với vợ, vợ chỉ có địa vị ngang hàng với con cái. Vợ có nghĩa vụ phải trung thành với chồng. Người chồng có quyền được ngoại tình nhưng nếu người vợ ngoại tình bị bắt quả tang sẽ bị giết tại chỗ cùng với người tình hoặc bị giam vào nhà kín suốt đời.

- Pháp luật chủ nô quy định những hình phạt dã man, tàn bạo

Các biện pháp phổ biến được sử dụng là tử hình, huỷ hoại các bộ phận của thân thể. Việc thực hiện các hình phạt tử hình cũng được thi hành bằng những biện pháp dã man như: ném phạm nhân vào vạc dầu, ném vào lửa, chôn sống...

Pháp luật chủ nô còn quy định biện pháp trách nhiệm tập thể và cho phép dùng nhục hình.

- Pháp luật chủ nô có quan hệ mật thiết tới tôn giáo, đạo đức, luân lý và những quy tắc ứng xử trong gia đình cũng như trong xã hội.

2.3 Hình thức (nguồn) của pháp luật chủ nô

Hình thức phổ biến của pháp luật chủ nô là tập quán pháp.

Ngoài tập quán pháp, các quyết định của cơ quan nhà nước chủ nô và cá nhân chủ nô khi giải quyết một trường hợp cụ thể cũng được thừa nhận là khuôn mẫu để giải quyết các trường hợp tương tự.

Giai đoạn sau, cùng với sự phát triển của chữ viết các nhà nước chủ nô ban hành các VBQPPL.

Thời kỳ đầu các văn bản này chỉ là sự sao chép các tập quán pháp lại thành một hệ thống, về sau một số nhà nước chủ nô đã ban hành được những bộ luật tổng hợp công phu và khá hoàn chỉnh như:

Bộ luật Manu của Ấn Độ (*);

Bộ luật Đracông của Hy Lạp (*);

Bộ luật Hammurabi (thế kỷ XVII trước công nguyên) của nhà nước Babilon (*);

Bộ luật La Mã (luật mười hai bảng (*)) của nhà nước La Mã (thế kỷ V- TCN), trong số các bộ luật của các nhà nước chủ nô đây được coi là bộ luật hoàn thiện nhất.